| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **247**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2024.
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Danh - Cán bộ hưu trí.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Cán bộ hưu trí.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.\

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 868/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 280/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Trúc M**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: tổ 12, khu phố 3, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Phạm Thành L**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: tổ 12, khu phố 3, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông L không chịu chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên không ở nhà, vợ chồng bất đồng quan điểm, suy nghĩ trái ngược nhau. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nhiều lần hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Thành L.

- Về con chung: Bà M xác định có 01 con chung, cháu Phạm Nguyễn Mai H, sinh ngày 27/12/2012. Ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Tạm thời bà M không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không yêu cầu và cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác.

*** Bị đơn ông Phạm Thành L được Toà án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó không có ý kiến hay chứng cứ gì giao nộp cho Toà án.**

**- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:**

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M, cho bà Nguyễn Thị Trúc M được ly hôn với ông Phạm Thành L; Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Mai H, sinh ngày 27/12/2012 cho bà M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Phạm Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Trúc M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông Phạm Thành L. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Nguyễn Thị Trúc M là nguyên đơn, ông Phạm Thành L là bị đơn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Theo Biên bản xác minh ngày 03/5/2024 của Công an phường T cung cấp: Ông Phạm Thành L hiện nay đang cư trú tại địa chỉ số tổ 12, khu phố 3, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[4] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông Phạm Thành L nhưng ông L không đến Toà làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử, bà Nguyễn Thị Trúc M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ và Điều 207, Điều 227,

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông L, bà M.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc M, HĐXX xét thấy: Bà Nguyễn Thị Trúc M và ông Phạm Thành L tự nguyện kết hôn vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống theo bà M trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông L không chịu chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên không ở nhà, vợ chồng bất đồng quan điểm, suy nghĩ trái ngược nhau.Vì không muốn gia đình đổ vỡ nhiều lần hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Thành L. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông L theo quy định nhưng ông L không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, điều đó cho thấy ông L đã bỏ mặc hôn nhân của mình không muốn hàn gắn lại với bà M. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà M vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với ông L nữa. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Trúc M được ly hôn với ông Phạm Thành L.

[6] Về con chung: Bà M xác định quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Mai H, sinh ngày 27/12/2012. Sau khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Tạm thời không yêu cầu ông Phạm Thành L cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không làm việc được với ông L. Hội đồng xét xử xét thấy cháu H có nguyện vọng ở với bà M, xét nguyện vọng của cháu H là hoàn toàn chính đáng. Hiện nay cháu H còn nhỏ và là con gái cần sự chăm sóc của mẹ hơn và để không là xáo trộn đời sống, tạm sinh lý, việc ăn ở học hành của cháu H. Vì vậy, cần thiết giao cháu H cho bà M trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Bà M không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Trúc M phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phạm Thành L không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc M, cho bà Nguyễn Thị Trúc M được ly hôn với ông Phạm Thành L.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Mai H, sinh ngày 27/12/2012 cho bà M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông Phạm Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu.

Ông L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Nguyễn Thị Trúc M phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà M đã nộp tại biên lai số 0003315 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Nguyễn Thị Trúc M đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phạm Thành L không phải nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Trúc M, ông Phạm Thành L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Quỳnh**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THA dân sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Đương sự;

- UBND phường An Bình,TP.Biên Hoà;
- Lưu.

Nguyễn Thị Quỳnh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**
**TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 04/9/2020
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
**Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh- Cán bộ hưu trí.
Bà Huỳnh Thị Kim Kiên- Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hoà.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1710/2020/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 20120 về việc "Tranh chấp ly hôn", giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hằng, sinh năm 1976.
Thường trú: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Ông Trần Văn Khoa, sinh năm 1973.
Thường trú: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Hằng và ông Khoa có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về tố tụng:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: bà Trần Thị Hằng nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Văn Khoa, sinh năm 1973; Địa chỉ: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai . Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngày 31/7/2020 ông Trần Văn Khoa có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chưng cứ và hoà giải và vắng mặt tại các phiên toà khi xét xử nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Khoa. Ngày 13/8/2020, bà Trần Thị Hằng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Hằng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quan hệ hôn nhân:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: Bà Hằng và ông Khoa tự nguyện kết hôn vào năm 1995 tại Ủy ban nhân dân Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/02/1995. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông Khoa nghiện rượu, cờ bạc, nhiều lần ông Khoa đánh đập bà. Mỗi lần đánh đập bà, bà có báo chính quyền địa phương, có thời gian ông Khoa bị đưa đi cải tạo 02 năm nhưng khi trở về vẫn không thay đổi, tính nào tật đó. Ngày 17/4/2020 Công an phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Khoa về "hành vi lặng mạ, chì chiết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên trong gia đình". Tuy bị ông Khoa nhiều lần đánh đập nhưng nghĩ về con cái nên bà đã cố bàu đựng nhưng ông Khoa càng ngày càng bạo lực hơn, đe doạ tính mạng của bà và các con. Từ tháng 3/2020 đến nay bà và ông Khoa sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Khoa. Xét

yêu cầu ly hôn của bà Hằng là có cơ sở chấp nhận. Do vậy, việc bà Hằng xin ly hôn với ông Khoa là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về con chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: có 03 con chung là cháu Trần Thị Hồng Nhung, sinh ngày 19/11/1995, cháu Trần Thế Anh, sinh ngày 07/11/1999 và cháu Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 18/01/2007. Ly hôn bà Hằng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hùng, ông Khoa cũng đồng ý giao cháu Hùng cho bà Hằng nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Hùng đang ở với bà Hằng, do bà Hằng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định về việc học tập và sinh hoạt cho cháu Hùng, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Hằng, giao cháu Hùng cho bà Hằng chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Khoa không phải cấp dưỡng nuôi con cháu Hùng. Riêng cháu Nhung, cháu Anh đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Khoa được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về tài sản chung và nợ chung: Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Chánh:Về tài sản chung: Bà Hằng và ông Khoa tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết; về nợ chung: Bà Hằng và ông Khoa khai không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: Bà Trần Thị Hằng phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: Bà Hằng và ông Khoa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 04 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Chánh Huỳnh Thị Kim Kiên Nguyễn Thị Quỳnh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**